

Bản án số: 70/2022/HS-ST

Ngày 02 - 6 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Bùi Văn Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân: bà **Đỗ Thị Xanh** và ông **Lê Phi Long**.

- Thư ký phiên tòa: ông **Nguyễn Công Huy** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông **Vũ Tuấn Dũng** - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2022/TLST-HS ngày 23 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2022/QĐXXST- HS ngày 09 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Thị Thu H**; sinh ngày 04/01/1959, tại QN; nơi cư trú: tổ 7, khu 6, thị trấn Tr, huyện H (nay là tổ 3, khu Tr, phường H, thành phố H L) tỉnh QN; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Tr và bà Phan Thị T; bị cáo có chồng và có 02 con; tiền án, tiền sự: chưa có; bị bắt truy nã ngày 18/12/2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh, có mặt;

- Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Thu H là luật sư Nguyễn Thị Thúy Nga - Công ty Luật TNHH IP & Parters, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

- Bị hại:

1. Chị **Bùi Thị H**, sinh năm 1979, trú tại: tổ 5, khu Tr, phường H, HL, QN, có mặt.

2. Chị **Trần Thu H**, sinh năm 1966, trú tại: tổ 5, khu Tr, phường H, HL, QN, có mặt.

3. Chị **Đào Thị H**, sinh năm 1976, trú tại: tổ 3, khu Tr, phường H, HL, QN, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 21/6/2010 đến ngày 13/7/2010, trên địa bàn huyện H (nay là thành phố HL), Phạm Thị Thu H đã có hành vi lợi dụng sự quen biết, vay tiền của các chị Trần Thu H, Bùi Thị H và chị Đào Thị H, với tổng số tiền là 3.170.000.000đồng (Ba tỷ, một trăm bảy mươi triệu đồng) để làm ăn. Sau đó, H không trả lại tiền theo như thoả thuận mà bỏ trốn khỏi địa phương để chiếm đoạt, cụ thể như sau:

1. Hành vi chiếm đoạt tiền của chị Trần Thu H.

Ngày 21/6/2010, H đến nhà chị Trần Thu H, nói “H đang cần tiền để đầu tư cho một người để làm than” và hỏi vay chị Hà tiền, hai bên thoả thuận miệng về lãi suất là 0,3% (tức 3.000đồng/1 triệu/ngày), chị H đồng ý. Sau đó, từ ngày 22/6/2010 đến ngày 13/7/2010, chị Hà đã 08 lần cho H vay với tổng số tiền là 1.500.000.000đồng. Khi cho H vay tiền, chị Hà đều viết vào hoá đơn “Dịch vụ cầm đồ kiêm hoá đơn” và H đều ký tên xác nhận. Đến thời hạn, không thấy H trả lại tiền theo như đã thoả thuận, chị Hà đã nhiều lần đến nhà H tìm nhưng không gặp được H. Ngày 06/8/2010, chị Hà đã đến Công an huyện H (nay là Công an thành phố HL) để trình báo, và giao nộp 08 tờ hoá đơn “Dịch vụ cầm đồ kiêm hoá đơn”.

2. Hành vi chiếm đoạt tiền của chị Bùi Thị H.

Ngày 14/7/2010, H đến nhà chị Bùi Thị H nói “H đã vay tiền Ngân hàng để đầu tư làm than ở xã TD, nay đến hạn trả nợ Ngân hàng”, đồng thời H hỏi vay chị H số tiền 1.000.000.000đồng, để làm đảo hạn Ngân hàng. H hẹn vay trong thời hạn 10 ngày sẽ trả, và thoả thuận miệng lãi suất với chị H là 0,3% (tức 3.000đồng/1 triệu/ngày), chị H đồng ý. Trong khoảng thời gian từ ngày 15/7/2010 đến ngày 16/7/2010, chị H đã 02 lần cho H vay với tổng số tiền là 700.000.000đồng. Khi vay tiền, H viết giấy vay tiền với chị Hồng và ký tên xác nhận. Đến hạn, không thấy H trả tiền như đã thoả thuận, chị H đã nhiều lần đến nhà và gọi điện cho H nhưng không được. Sau khi biết tin H bỏ trốn, ngày 24/01/2011, chị Hồng đã đến Công an huyện H (nay là Công an thành phố HL) trình báo và giao nộp 01 giấy vay tiền.

3. Hành vi chiếm đoạt tiền của chị Đào Thị H.

Ngày 24/6/2010, H đến nhà chị Đào Thị H đặt vấn đề hỏi vay tiền của chị H để làm than. H bảo vay trong thời hạn 10 ngày, và thoả thuận miệng lãi suất với chị H là 0,3% (tức 3.000đồng/1 triệu/ngày), chị H đồng ý. Do đó, từ ngày 24/6/2010 đến ngày 13/7/2010, chị H đã 03 lần cho H vay với tổng số tiền là 970.000.000đồng. Khi cho H vay tiền, chị Hà đều viết vào sổ và H ký tên xác nhận. Đến thời hạn, không thấy H trả tiền theo đúng thoả thuận, chị H nhiều lần đến nhà và gọi điện cho H nhưng không được. Sau khi biết tin H bỏ trốn, chị H đã đến Công an huyện H (nay là thành phố HL) trình báo.

Tại các bản kết luận giám định số 154 ngày 20/8/2012, số 571 ngày 14/02/2022, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh, kết luận: chữ viết, chữ ký trên giấy vay tiền, trên 08 tờ “Dịch vụ cầm đồ kiêm hoá đơn” là chữ viết, chữ ký của Phạm Thị Thu H.

Quá trình điều tra, bị cáo Phạm Thị Thu H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. H khai toàn bộ số tiền 3.170.000.000 đồng mà H vay của các chị Trần Thị H, Bùi Thị H và Đào Thị H, H đã đưa cho một người tên là Hùng không rõ lai lịch, địa chỉ để đầu tư làm than tại xã T, huyện H (nay là thành phố HL). Sau đó, H không liên lạc được với H, nên đến ngày 21/7/2010 H đã bỏ trốn khỏi địa phương. Ngoài ra, H khai: H chưa trả bất kỳ khoản tiền gốc, tiền lãi nào cho các chị Trần Thị H, Bùi Thị H và Đào Thị H.

Tại bản cáo trạng số: 46/CT - VKSQN - P2 ngày 22 tháng 3 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã truy tố Phạm Thị Thu H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015;

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Phạm Thị Thu H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình giống như Cáo trạng đã mô tả, bị cáo cũng khẳng định những lời khai của mình tại cơ quan điều tra là hoàn toàn khách quan, đúng sự thật. Bị cáo bày tỏ thái độ ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, đồng thời gửi lời xin lỗi đến các bị hại.

- Bị hại Trần Thị H có quan điểm: bị cáo đã vay của chị số tiền 1.500.000.000đ sau đó bỏ trốn. Tại phiên tòa chị yêu cầu bị cáo phải trả lại cho chị số tiền nói trên và không yêu cầu bị cáo phải trả lãi xuất.

- Bị hại Bùi Thị H yêu cầu bị cáo phải trả cho chị toàn bộ số tiền chiếm đoạt là 700.000.000đ và không yêu cầu bị cáo phải trả lãi xuất.

- Bị hại Đào Thị H có quan điểm: bị cáo vay của chị số tiền 970.000.000đ, sau đó bỏ trốn. Tại phiên tòa, chị yêu cầu bị cáo phải trả cho chị là 900.000.000đ, 70.000.000đ còn lại chị cho bị cáo, ngoài ra chị không yêu cầu bị cáo phải trả lãi xuất.

Trong quan điểm luận tội của mình, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Phạm Thị Thu H từ 14 đến 15 năm tù; Về trách nhiệm dân sự buộc bị cáo phải trả cho các chị Trần Thị H, Bùi Thị H và Đào Thị H toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt.

- Luật sư bào chữa có quan điểm: Đồng ý với luận tội của Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ TNHS, việc đưa bị cáo ra xét xử là đúng người, đúng tội, không oan. Tuy nhiên, mức hình phạt VKS đề nghị là nặng; đề nghị HĐXX xem xét đến hoàn cảnh kinh tế rất khó khăn của gia đình bị cáo; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, lần đầu phạm tội, già yếu, bản thân bị cáo cũng là người bị lừa, gia đình có công cách mạng, các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đề nghị HĐXX xem xét đến nhân thân, điều kiện, hoàn cảnh phạm tội để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo đồng ý với quan điểm của luật sư bào chữa và không tranh luận bổ sung;

Các bị hại đều đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải trả lại cho các bị hại

số tiền đã chiếm đoạt, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để có cơ hội trở về với gia đình. Bị cáo cũng xin Hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an tỉnh Quảng Ninh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thị Thu H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra và khẳng định, những lời khai nhận tại cơ quan điều tra là tự nguyện, đúng sự thật; xét thấy lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của người làm chứng; phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ đã được làm rõ tại phiên tòa, đã đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 21/6/2010 đến ngày 13/7/2010, trên địa bàn huyện H (nay là thành phố HL), tỉnh QN, Phạm Thị Thu H đã có hành vi lợi dụng sự quen biết, vay tiền của các chị Trần Thị Thu Hà, Bùi Thị H và chị Đào Thị H, với tổng số tiền là 3.170.000.000đồng (Ba tỷ một trăm bảy mươi triệu đồng) để làm ăn. Sau đó, H không trả lại tiền theo như thoả thuận mà bỏ trốn khỏi địa phương để chiếm đoạt.

Hành vi nêu trên của bị cáo Phạm Thị Thu H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” thuộc trường hợp chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên, quy định tại khoản 4 Điều 175 của Bộ luật hình sự, có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã nêu và viện dẫn là có căn cứ pháp luật.

Bị cáo Phạm Thị Thu H nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng muốn có tiền để làm ăn và chi tiêu cá nhân, bị cáo đã lợi dụng lòng tin của các bị hại để chiếm đoạt tài sản của họ. Hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn thể hiện sự coi thường pháp luật, làm mất tự trị an tại địa phương, nên cần phải xử lý nghiêm, với mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng chống tội phạm;

[3] Về trách nhiệm dân sự: Từng bị hại đã đưa ra các yêu cầu của mình đối với bị cáo H về số tiền phải bồi thường, bị cáo chấp nhận theo yêu cầu của từng bị hại. Hội đồng xét xử thấy việc thỏa thuận bồi thường giữa bị hại với bị cáo H là phù hợp pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và các bị hại.

Buộc bị cáo Phạm Thị Thu H phải có nghĩa vụ trả cho các bị hại số tiền đã chiếm đoạt, cụ thể: trả cho chị Trần Thị H số tiền 1.500.000.000đ; trả cho chị Bùi Thị H số tiền 700.000.000đ; trả cho chị Đào Thị H số tiền 900.000.000đ.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Phạm Thị Thu H phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, có ông nội là Phạm Văn T được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Quá trình điều tra, các bị hại Trần Thị Thu H, Bùi Thị H và Đào Thị H có lời khai đã có thỏa thuận bằng miệng cho Phạm Thị Thu H vay tiền với lãi suất 3.000đồng/1 triệu/1 ngày. Tuy nhiên tại phiên tòa cả 3 bị hại trên đều khẳng định không thỏa thuận lãi suất cụ thể mà chỉ tính theo lãi suất của Ngân hàng, mặc dù vậy các bị hại vẫn chưa nhận được tiền lãi. Do đó, xét thấy chưa đủ căn cứ xử lý Trần Thu H, Bùi Thị H và Đào Thị H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, tuổi đã cao, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về án phí: Bị cáo là người cao tuổi, tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa xin được miễn án phí hình sự và án phí dân sự. Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo được miễn án phí hình sự và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Thu H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”;

[1] Áp dụng: khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Thu H 13 (mười ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/12/2021.

[2] Áp dụng: Khoản 1, Điều 48 của Bộ luật hình sự; khoản 1, Điều 584; khoản 1, Điều 585; khoản 1, Điều 589; Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015;

Bị cáo Phạm Thị Thu H phải có nghĩa vụ trả cho: chị Trần Thị Thu Hà, sinh năm 1966, trú tại: tổ 5, khu Tr, phường H, HL, QN số tiền 1.500.000.000đồng; chị Bùi Thị H, sinh năm 1979, trú tại: tổ 5, khu Tr, phường H, HL, QN số tiền 700.000.000đồng; chị Đào Thị H, sinh năm 1976, trú tại: tổ 3, khu Tr, phường H, HL, QN số tiền 900.000.000đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu mà bị cáo chậm trả tiền, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3] Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Bị cáo được miễn án án phí hình sự và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Án xử sơ thẩm công khai, thông báo để bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo
- Người tham gia tt khác;
- VKSND tỉnh QN;
- Công an tỉnh QN;
- THA, Lưu VP, Toà hình sự, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Tuấn

